

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: /TTMS-NVĐT
V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả
lựa chọn nhà thầu các thuốc thuộc
Danh mục ĐTTTQG/ĐPG Quý 2/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu.

Thực hiện chế độ báo cáo, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo về tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc thuộc Danh mục đàm phán giá và Danh mục đấu thầu tập trung Quốc gia của 53/58 nhà thầu và các cơ sở y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện và kết quả thực hiện theo từng danh mục cụ thể như sau:

I. Đối với tình hình thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý:

- Có 05/58 nhà thầu (*Chi tiết tại Bảng 1*) không thực hiện chế độ báo cáo quý 2/2025 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024.

- Trung tâm đề nghị các nhà thầu nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

II. Tình hình thực hiện kết quả trúng thầu đấu thầu tập trung cấp Quốc gia, đàm phán giá đến hết 30/6/2023:

1. Đối với các gói thầu cung cấp các thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia giai đoạn 2024-2026:

a, Đối với các gói thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia giai đoạn 2024-2026 đợt 1:

- Giá trị thực hiện đến hết ngày 30/6/2025 của từng gói thầu, cụ thể:

+ Gói 1: đạt 16,6% (276,7 tỷ đồng/1.667,3 tỷ đồng);

+ Gói 2: đạt 14,8% (137,9 tỷ đồng/ 928,8 tỷ đồng);

+ Gói 3: đạt 11,3% (228,2 tỷ đồng/ 2.023,2 tỷ đồng);

- Có 04 Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 100 tỷ, 03 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ và có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 30/6/2025 dưới 12,5% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện).

(*chi tiết tại Bảng 2*)

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc đến 30/6/2025 tại *Phụ lục III* gửi kèm theo dạng file excel để các cơ sở y tế và nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết.

b, Đối với các gói thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia giai đoạn 2024-2026 đợt 2:

- Giá trị thực hiện đến hết ngày 30/6/2025 của từng gói thầu, cụ thể:

- + Gói 1: đạt 8,5% (55,1 tỷ đồng/655,8 tỷ đồng);
- + Gói 2: đạt 7,8% (29,7 tỷ đồng/ 380,4 tỷ đồng);
- + Gói 3: đạt 6,7% (42,7 tỷ đồng/ 636,8 tỷ đồng);
- Có 07 Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 20 tỷ, 01 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ và có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 30/6/2025 dưới 6,25% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện).

(chi tiết tại Bảng 3)

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc đến 30/6/2025 tại *Phụ lục III* gửi kèm theo dạng file excel để các cơ sở y tế và nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết.

2. Đối với các gói thầu cung cấp các thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá:

- Giá trị thực hiện các gói thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc Navelbine 30mg thuộc Danh mục đàm phán giá năm 2021 cho các cơ sở y tế thuộc Quyết định 1680/QĐ-BYT ngày 03/4/2023 từ 17/4/2023 đến hết ngày 16/4/2025 (thời gian thực hiện 24/24 tháng) đạt 72,43% (550,293 tỷ đồng/761,5 tỷ đồng).

(chi tiết tại Bảng 4)

- Danh sách các cơ sở y tế có tỉ lệ thực hiện trên theo tiến độ các thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 đến 16/4/2025 chi tiết tại Bảng 5.

II. Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Y tế các Bộ/ngành hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc, Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế và nhà thầu thực hiện một số nội dung như sau:

1. Các cơ sở y tế chủ động lập kế hoạch sử dụng và phối hợp với các cơ sở y tế khác để điều tiết đối với các thuốc trúng thầu đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị và đáp ứng theo quy định về tỷ lệ thực hiện tối thiểu đạt 80% số lượng thuốc được phân bổ.

2. Các đơn vị nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của Trung tâm đề tổ chức mua sắm thuốc đối với các 64 thuốc biệt dược gốc được phê duyệt trúng thầu tại các Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 02/11/2022, số 3460/QĐ-BYT ngày 27/12/2022, số 67/QĐ-BYT ngày 13/01/2023 và số 1680/QĐ-BYT ngày 03/4/2023, đảm bảo không thiếu thuốc cho người bệnh.

3. Trường hợp nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc, các cơ sở y tế xử lý theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu, Trung tâm sẽ xử lý theo quy định tại Điều 131 xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

4. Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Trung tâm để cập nhật số liệu chính xác.

5. Các nhà thầu nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng (báo cáo tháng, báo cáo quý) theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, NVĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đại Hùng

BẢNG 1: DANH SÁCH NHÀ THẦU KHÔNG NỘP BÁO CÁO QUÝ 2 NĂM 2025

STT	TÊN CÔNG TY
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
3	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC
4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH
5	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN VIDL - TIẾN THÀNH

BẢNG 2: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 100 tỷ, Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ và có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 30/6/2025 dưới 12,5% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện của đợt 1)

Stt	Tên đơn vị	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Giá trị đã cung ứng (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I. Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương:				
1	Sở Y tế tỉnh Nghệ An	136,926,256,856	14,786,628,060	10.8%
2	Sở Y tế tỉnh Thanh Hoá	135,931,421,378	15,369,501,642	11.3%
3	Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh	1,052,279,327,330	124,793,620,059	11.9%
4	Sở Y tế tỉnh Kiên Giang	121,309,977,227	6,056,793,078	5.0%
II. Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế:				
1	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	47,690,729,900	5,048,817,600	10.6%
2	Bệnh viện 71 Trung ương	27,770,733,400	1,290,391,370	4.6%
3	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	20,208,059,352	649,537,500	3.2%

BẢNG 3: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 20 tỷ, Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ và có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 30/6/2025 dưới 6,25% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện của đợt 2)

Stt	Tên đơn vị	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Giá trị đã cung ứng (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I. Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương:				
1	Sở Y tế Thành phố Hải Phòng	76,879,658,471	1,599,346,246	2.1%
2	Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn	47,828,234,656	241,707,658	0.5%
3	Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh	47,018,318,352	1,788,487,612	3.8%
4	Sở Y tế tỉnh Điện Biên	46,781,932,042	526,279,320	1.1%
5	Sở Y tế tỉnh Hà Nam	43,780,079,195	1,212,494,732	2.8%
6	Sở Y tế tỉnh Hải Dương	42,764,246,351	1,121,324,684	2.6%
7	Sở Y tế tỉnh Hoà Bình	40,811,215,818	160,795,316	0.4%
II. Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế:				
1	Bệnh viện Bạch Mai	25,640,062,723	1,006,317,920	3.9%

BẢNG 4: Giá trị thực hiện của các thuốc trúng thầu thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 tại các Quyết định số 1680/QĐ-BYT ngày 03/4/2023

Stt	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	SDK/GP NK	Giá trị phân bổ (VND)	Giá trị thực hiện (VND)	Tỷ lệ thực hiện
Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuốc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.01.2021)							
25	Navelbine	Vinorelbine (dưới dạng Vinorelbine ditartrate)	10mg/1 ml	VN-20070-16	8.114.241.160	3.854.299.400	47,5%
26	Navelbine 20mg	Vinorelbine ditartrate	20mg Vinorelbine	VN-15588-12	288.301.688.367	198.490.482.498	68,8%
27	Navelbine 30mg	Vinorelbine ditartrate	30mg Vinorelbine	VN-15589-12	465.091.054.389	347.949.172.953	74,8%

Bảng 5: Danh sách Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ các thuốc thuộc Danh mục đàm phán giá năm 2021 thuộc Quyết định số 1680/QĐ-BYT ngày 03/4/2023 tỷ lệ thực hiện theo tiến độ

Tên đơn vị	Giá trị phân bổ và điều tiết	Giá trị thực hiện cung cấp đến ngày 16/4/2025	Tỷ lệ thực hiện
Sở Y Tế An Giang	844.669.500	1.520.405.100	180,00%
Sở Y Tế Bắc Giang	2.737.736.500	5.405.775.000	197,45%
Sở Y tế Bạc Liêu	4.730.259.000	4.392.391.200	92,86%
Sở Y Tế Bắc Ninh	6.588.408.375	6.588.408.375	100,00%
Sở Y Tế Bến Tre	548.692.476	883.857.114	161,08%
Sở Y Tế Bình Định	9.027.792.480	9.027.792.480	100,00%
Sở Y Tế Bình Dương	1.081.198.920	1.081.198.920	100,00%
Sở Y Tế Cà Mau	1.013.548.500	1.175.716.260	116,00%
Sở Y Tế Đà Nẵng	43.591.243.527	25.412.785.992	58,30%
Sở Y Tế Đắk Lắk	2.000.120.280	2.000.120.280	100,00%
Sở Y Tế Đồng Nai	9.660.251.136	10.617.170.484	109,91%
Sở Y Tế Gia Lai	445.988.790	445.988.790	100,00%
Sở Y Tế Hà Tĩnh	17.907.487.500	5.541.042.900	30,94%
Sở Y Tế Hải Dương	1.486.618.320	689.278.860	46,37%
Sở Y Tế Hòa Bình	2.838.155.400	4.538.281.794	159,90%
Sở Y Tế Hưng Yên	802.822.644	1.613.716.344	201,01%
Sở Y Tế Khánh Hòa	3.042.956.600	1.865.050.020	61,29%
Sở Y Tế Long An	466.232.310	121.625.820	26,09%
Sở Y Tế Nghệ An	19.838.141.874	29.699.153.571	149,71%
Sở Y Tế Ninh Bình	1.621.787.400	4.405.879.560	271,67%
Sở Y Tế Phú Thọ	2.365.129.500	1.013.603.400	42,86%
Sở Y Tế Quảng Nam	2.162.419.800	2.162.419.800	100,00%
Sở Y Tế Quảng Ngãi	371.654.580	-	0,00%
Sở Y Tế Quảng Ninh	18.261.922.600	13.136.533.370	71,93%
Sở Y Tế Quảng Trị	3.461.254.400	2.834.630.820	81,90%
Sở Y Tế Sơn La	1.351.471.200	1.351.471.200	100,00%
Sở Y Tế Thái Bình	4.096.367.511	5.988.580.911	146,19%
Sở Y Tế Thanh Hóa	13.726.049.404	16.442.006.964	119,79%
Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	13.036.426.908	14.252.663.148	109,33%
Sở Y tế thành phố Huế	5.400.643.176	1.621.787.400	30,03%
Sở Y Tế Tiền Giang	372.985.848	372.985.848	100,00%
Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	-	3.648.774.600	100,00%
Sở Y Tế TP. HCM	113.574.297.430	81.523.785.171	71,78%
Sở Y Tế Tuyên Quang	291.923.928	832.528.878	285,19%
Sở Y Tế Vĩnh Phúc	23.587.808.180	11.998.625.163	50,87%
Sở Y Tế Yên Bái	1.378.491.840	3.108.345.330	225,49%
Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	63.496.787.200	38.234.562.469	60,21%
Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm,	16.401.657.120	32.854.722.700	200,31%

thực phẩm Hải Phòng			
Bệnh viện 74 Trung ương	4.334.237.580	4.333.540.600	99,98%
Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	4.553.116.150	3.827.571.416	84,06%
Bệnh viện E	1.490.867.200	1.810.997.760	121,47%
Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	3.618.270.800	5.865.499.200	162,11%
Bệnh viện K	170.779.231.900	65.407.223.282	38,30%
Bệnh viện Phổi Trung ương	17.397.721.500	8.668.425.350	49,83%
Viện Huyết học - Truyền máu TW	69.698.000	-	0,00%
Bệnh viện Bạch Mai	55.747.583.100	46.895.056.950	84,12%
Bệnh viện Chợ Rẫy	43.091.243.070	25.455.499.170	59,07%
Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế cơ sở 2	-	432.478.470	100,00%
Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	1.351.471.200	175.705.530	13,00%
Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	1.412.262.150	778.409.640	55,12%
Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	15.275.547.543	21.850.569.123	143,04%
Bệnh viện Hữu Nghị	729.798.840	1.128.474.060	154,63%
Bệnh viện Thống Nhất	9.528.179.400	4.750.387.230	49,86%
Bệnh viện Trung ương Huế	10.406.679.600	6.081.785.100	58,44%
Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	4.238.201.166	2.432.648.160	57,40%
Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	1.177.070.586	163.522.086	13,89%
Bệnh viện C Đà Nẵng	977.060.754	1.832.495.688	187,55%